

Bản án số: 21/2019/HS-PT

Ngày: 07 - 01 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Đức, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Kính, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2018/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo **Hoàng Công T** và **Lê Ngọc Duy T1** về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 07- 11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Hoàng Công T**; sinh ngày 27/9/1985 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Số 4/69 đường Đ1, phường A, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1961 và bà Trần Thị Ph, sinh năm 1961 (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2016; có mặt.

2. Bị cáo **Lê Ngọc Duy T1** (Tên gọi khác: Út); sinh ngày 16/12/1985 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Số 18 đường N1, phường T4, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc B1, sinh năm 1956 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1957; vợ là Nguyễn

Thị Thanh Th1, sinh năm 1987 (đã ly hôn); con: Lê Nguyễn Phúc Quân, sinh năm 2006; tiền án: có 01 tiền án; tiền sự: có 01 tiền sự;

Nhân thân: Ngày 25/02/2002, bị Công an thành phố H2 xử phạt 50.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Tháng 6/2011, bị Công an thành phố H2 xử phạt 600.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 07/3/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ2, tỉnh Quảng Trị xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 10/2012/HSST). Ngày 05/9/2016, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế khởi tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và ngày 14/5/2018 bị khởi tố bổ sung về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2016; có mặt.

- *Người bào chữa theo chỉ định của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho bị cáo:*

1. *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Công T: Ông **Đặng Ngọc K** – Luật sư, Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.*

2. *Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc Duy T1: Bà **Tôn Nữ Thái B** – Luật sư, Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: có mặt.*

- *Người bị hại: **Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV**; địa chỉ: 187 đường H4, phường A1, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế.*

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thành T3** – Giám đốc Công ty; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Hoàng Văn S**, sinh năm 1961; trú tại: Thôn TB, xã BT, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Chị **Trần Thị My N**, sinh năm 1991; trú tại: Thôn 11, xã Q1, huyện Q2, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 người bị hại và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Công T và Lê Ngọc Duy T1 do có quen biết nhau từ trước nên đã bàn bạc, thống nhất cùng nhau góp vốn làm ăn, lợi nhuận chia đều cho hai người. Để tạo uy tín trong quá trình làm ăn, T và T1 đã thuê xe ô tô tự lái để làm phương tiện đi lại và giao dịch với khách hàng. Tuy nhiên, sau khi thuê được xe,

T và T1 đã làm giấy đăng ký xe ô tô giả đưa đi cầm cố cho người khác để lấy tiền sử dụng cá nhân, cụ thể:

Ngày 02/4/2016, Hoàng Công T nhờ bạn là anh Nguyễn Thành P đứng tên trên hợp đồng thuê xe ô tô tự lái biển kiểm soát 75A - 031.XX của DNTN NH, thời gian thuê 30 ngày với giá thuê là 18.000.000 đồng/tháng (đặt cọc trước 3.000.000 đồng). Sau khi thuê được xe, anh P đã giao lại xe ô tô này cho Hoàng Công T. Ngày 03/4/2016, T bàn bạc với T1 về việc làm giả giấy đăng ký đối với xe ô tô 75A - 031.XX để đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài thì T1 đồng ý. Sau đó, T vào mạng xã hội Facebook liên lạc với tài khoản “làm giấy tờ giả” rồi thỏa thuận cách thức, giá cả làm một giấy đăng ký xe ô tô giả với số tiền 4.000.000 đồng. T lấy thông tin về ngày, tháng, năm sinh, họ tên, địa chỉ của Lê Ngọc Duy T1, chụp ảnh chữ ký có đóng dấu, tên ông Phạm Văn Th - Trưởng phòng CSGT đường bộ - đường sắt tỉnh Thừa Thiên Huế rồi cung cấp cho đối tượng làm giấy đăng ký xe ô tô giả biết. Chiều ngày 04/4/2016, đối tượng làm giả giấy đăng ký xe ô tô liên lạc và giao giấy đăng ký xe ô tô 75A - 031.XX (giấy giả) mang tên Lê Ngọc Duy T1 cho T. Khoảng 19 giờ ngày 04/4/2016, T và T1 đến phường H, thị xã H1, Thừa Thiên Huế cầm cố xe ô tô 75A - 031.XX cho bà Hà Thị Q. T1 viết giấy mượn tiền và nhận của bà Q 250.000.000 đồng, bà Q giữ lại xe và giấy đăng xe ô tô 75A - 031.XX (giả) mang tên Lê Ngọc Duy T1. Số tiền này T sử dụng riêng 75.330.000 đồng, T1 sử dụng riêng 5.000.000 đồng, còn lại 169.670.000 đồng thì cả hai sử dụng chung.

Tiếp đó, ngày 14/4/2016, sau khi Lê Ngọc Duy T1 thuê được xe ô tô biển kiểm soát 75A - 020.XX của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV (trụ sở đóng tại thành phố H2) thì T1 đã đưa xe ô tô này đến cầm cố cho bà Hà Thị Q nhưng bà Q từ chối cầm cố do không có giấy đăng ký xe ô tô chính chủ. Tuy nhiên, bà Q cho T1 lấy thêm số tiền 130.000.000 đồng đối với chiếc xe ô tô 75A - 031.XX đã cầm cố trước đó. T1 đã sử dụng riêng 20.000.000 đồng và cho Lý (bạn của T1) mượn 110.000.000 đồng. Sau đó, T1 có nói cho T biết, T đồng ý và xem đây là việc làm ăn chung của hai người.

Như vậy, T và T1 đã cầm cố chiếc xe ô tô 75A - 031.XX cho bà Hà Thị Q và hai lần lấy tổng số tiền là 380.000.000 đồng. Số tiền này, cả hai đã sử dụng vào việc cho vay, trả nợ chung và tiêu xài cá nhân hết.

Sáng ngày 27/4/2016, anh Nguyễn Thành T3 (là Giám đốc Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV) cùng với các nhân viên là anh Tôn Thất Thái H3 và Phạm Ngọc Đ đến nơi ở của T1 tại phường T4, thị xã H1. Lúc này, ngoài T1 ra còn có Hoàng Công T, Hoàng Anh P1 (bạn của T1) cũng ở đây. Anh T3 đề nghị T1 thanh toán tiền thuê và trả lại xe ô tô 75A - 020.XX mà T1 đã thuê ngày 14/4/2016 cho Công ty để tiến hành bảo dưỡng nhưng T1 nói: “T1 đang cần xe để đi lại làm ăn”, thì anh T3 nói: “nếu T1 cần xe thì đổi xe khác”.

Đến khoảng 14 giờ ngày 27/4/2016, T1 đưa số tiền 3.000.000 đồng cùng chìa khóa xe cho Hoàng Công T để T đưa xe ô tô 75A - 020.XX vào trả cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV. Sau khi trả xe ô tô 75A - 020.XX, T đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và hợp đồng thuê xe do T1 ký với Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV ngày 14/4/2016 để thuê xe ô tô 75A - 035.XX. Do buổi sáng có thỏa thuận với T1 về việc đổi xe nên anh Nguyễn Thành T3 đồng ý giao xe ô tô 75A - 035.XX cho T. Sau khi thuê được xe, T giao xe ô tô 75A - 035.XX cho T1 để cùng sử dụng chung.

Ngày 30/4/2016, T nói với T1 làm giấy tờ giả để cầm cố xe ô tô 75A - 035.XX thì T1 không có ý kiến gì nên T đã vào mạng xã hội Facebook liên hệ với tài khoản “làm giấy tờ giả” trước đây T đã thuê làm giấy đăng ký xe ô tô 75A - 031.XX giả, để thuê làm giả giấy đăng ký xe ô tô 75A - 035.XX mang tên Hoàng Công T. Khoảng 16 giờ ngày 02/5/2016, thì đối tượng “làm giấy tờ giả” được T thuê đã giao giấy đăng ký xe ô tô 75A - 035.XX giả cho T, sau đó T đã nói cho T1 biết.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/5/2016, T rủ T1 vào Đà Nẵng để cầm xe 75A - 035.XX nhưng do T1 mệt nên không đi. Do đó, T điều khiển xe ô tô 75A - 035.XX chở chị Trần Thị Mỹ N vào Đà Nẵng để cầm xe ô tô 75A - 035.XX cho ông Lữ Mạnh H3 (chủ hiệu cầm đồ KL) lấy số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi cầm xe ô tô 75A - 035.XX, T đón xe taxi ra thành phố H2 và báo cho T1 biết việc cầm xe. Số tiền 300.000.000 đồng, T khai đã sử dụng chung với T1 hết số tiền nêu trên, nhưng khi đối chất T1 chỉ thừa nhận sử dụng chung cùng với T 54.800.000 đồng và có mượn 21.500.000 đồng để sử dụng riêng nhưng đã trả lại cho T.

Hết thời hạn cho thuê xe nhưng không thấy Hoàng Công T và Lê Ngọc Duy T1 trả xe, nên ông Hồ Văn M và anh Nguyễn Thành T3 đã viết đơn tố cáo gửi đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H2.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 217/KL-HĐĐG ngày 12/7/2016 và số 224/KL-HĐĐG ngày 25/7/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H2 kết luận xe ô tô 75A - 031.XX có giá trị 450.000.000 đồng và xe ô tô 75A - 035.XX có giá trị 420.000.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Thành P là người đứng tên trên hợp đồng thuê xe 75A - 031.XX để thuê xe giúp cho Hoàng Công T, P không biết việc T làm giả giấy đăng ký xe 75A - 031.XX rồi đem đi cầm cố cho người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân, nên P không đồng phạm với T.

Tại bản kết luận giám định số 31/GĐ ngày 14/02/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 75A - 035.XX mang tên Hoàng Công T do T3 tá Võ Hồng

Quang – Trưởng phòng cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt tỉnh Thừa Thiên Huế ký ngày 19/11/2015 là giả. Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 75A – 031.XX giả, bà Hà Thị Q đã làm thất lạc nên không trưng cầu giám định được.

Ngày 05/9/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H2 đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô biển kiểm soát 75A - 031.XX cho ông Hồ Văn M và xe ô tô biển kiểm soát 75A - 035.XX cho anh Nguyễn Thành T3. Ông Hồ Văn M và anh Nguyễn Thành T3 đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 07 - 11 -2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Hoàng Công T 11 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 02 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 13 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 14/9/2016.

Áp dụng khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Lê Ngọc Duy T1 12 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 02 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 12/9/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, quy định về thi hành án dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/11/2018, bị cáo Hoàng Công T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/11/2018, bị cáo Lê Ngọc Duy T1 có đơn kháng cáo, thừa nhận phạm tội đối với xe 75A 031.XX, kêu oan đối với xe 75A 035.XX.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Đối với bị cáo T1, liên quan đến xe 75A 035.XX, bị cáo T1 là người đề nghị thuê, khi bị cáo T bàn bạc làm giả giấy tờ xe, bị cáo không phản đối. Bị cáo T1 cùng sử dụng số tiền cầm cố 300 triệu đồng của xe 75A 035.XX. Như vậy,

có căn cứ xác định bị cáo T1 đồng phạm với bị cáo T liên quan đến xe 75A 035.XX. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với bị cáo T, mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo bồi thường thêm 15 triệu đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã chiếu cố, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nên không thể chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Đặng Ngọc K bào chữa cho bị cáo Hoàng Công T phát biểu:

Giá trị chiếm đoạt không phải là giá trị định giá 2 xe ô tô 870.000.000đ mà là số tiền cầm cố xe bị mất 710.000.000đ. Các bị cáo phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét bị hại cũng có lỗi không kiểm tra giấy tờ giả khi nhận cầm cố. Đối với hành vi làm giả giấy tờ, Cơ quan điều tra không thu thập được bằng chứng gốc tại bà Quán nên không thể kết tội bị cáo vào khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo T có nhân thân tốt, sau xét xử sơ thẩm bồi thường thiệt hại thêm 15 triệu đồng. Vì vậy, đề nghị giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Luật sư Tôn Nữ Thái B bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc Duy T1 phát biểu:

Bị cáo T1 thành khẩn khai báo đối với xe 75A 031.XX. Đối với xe 75A 035.XX, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức” là không có căn cứ, vì các lý do: Giao dịch thuê xe 75A 035.XX là giao dịch được thực hiện giữa bị cáo T và Công ty TV, bị cáo T1 không có yêu cầu thuê xe này và cũng không có bất cứ tài liệu nào chứng minh bị cáo T1 ủy quyền cho bị cáo T thuê xe 75A 035.XX; việc bị cáo T tiếp tục làm giấy đăng ký giả cho xe 75A 035.XX là hành vi tự ý của bị cáo T; bị cáo T là người đứng ra thực hiện hành vi cầm xe 75A 035.XX, bị cáo T1 không tham gia vào việc cầm chiếc xe này.

Vì vậy, đề nghị xem xét bị cáo T1 không phạm tội đối với xe 75A 035.XX và giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà bản án sơ thẩm đã qui kết buộc tội, phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án đã chứng minh tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở xác định:

[2] Vì thiếu vốn làm ăn nên bị cáo T và T1 đã bàn bạc và đồng ý để T thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 75A - 031.XX (xe thuê của ông Hồ Văn M — Chủ DNTN NH). Sau khi có giấy tờ giả đứng tên Lê Ngọc Duy

T1, bị cáo T và T1 đã cầm chiếc xe ô tô 75A - 031.XX cho bà Hà Thị Q để lấy hai lần với tổng số tiền 380.000.000 đồng, rồi cả hai đã sử dụng vào việc làm ăn, trả nợ và chi tiêu chung. Do đó, các bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức” đối với xe ô tô 75A - 031.XX.

[3] Đối với xe ô tô 75A - 035.XX của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV, mặc dù bị cáo T1 không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng căn cứ vào lời khai của bị hại anh Nguyễn Thành T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Q, lời trình bày của những người làm chứng chị Nguyễn Thị My L, anh Hoàng Anh P1, chị Trần Thị My N và của bị cáo T, có cơ sở xác định: Sau khi bị cáo T1 thuê xe ô tô 75A - 020.XX của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV, có đưa đến cầm cố cho bà Hà Thị Q nhưng do không có giấy tờ chính chủ nên không cầm cố được. Khi đại diện của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV là anh Nguyễn Thành T3 đề nghị T1 trả xe ô tô 75A - 020.XX để Công ty bảo dưỡng định kỳ, T1 đề nghị anh T3 cho đổi xe khác để làm ăn và được anh T3 đồng ý. Do đó, việc bị cáo T đổi xe ô tô 75A - 020.XX để thuê lại xe ô tô 75A - 035.XX của Công ty TNHH thương mại dịch vụ TV là có sự đồng ý của bị cáo T1. Sau khi đổi lấy xe ô tô 75A - 035.XX, cả T và T1 sử dụng xe này từ ngày 27/4/2016 đến ngày 03/5/2016. Sau đó, T1 bàn bạc với T làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 75A - 035.XX đứng tên T để vay thêm tiền. T1 biết T vào Đà Nẵng cầm cố xe 75A - 035.XX để lấy số tiền 300.000.000 đồng và cả hai cùng sử dụng số tiền này. Vì vậy, hành vi của T1 là đồng phạm với T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức” đối với xe ô tô 75A - 035.XX.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật hình sự để nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và làm giả giấy tờ là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Với hành vi phạm tội trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc Duy T1: Như đã phân tích trên, sau khi đổi lấy xe ô tô 75A - 035.XX, T và T1 sử dụng xe này từ ngày 27/4/2016 đến ngày 03/5/2016. Sau đó, T1 bàn bạc với T làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 75A - 035.XX và biết T vào Đà Nẵng cầm cố để lấy số tiền 300.000.000

đồng, cả hai cùng sử dụng, tiêu xài số tiền này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm qui kết bị cáo T1 đồng phạm với bị cáo T liên quan đến xe ô tô 75A - 035.XX là có căn cứ; nên không thể chấp nhận kháng cáo của bị cáo đề nghị giảm hình phạt và ý kiến bào chữa của Luật sư.

[7] Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Công T: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, với mức hình phạt 11 năm tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo cung cấp chứng từ nộp thêm số tiền 15 triệu đồng để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nên không thể chấp nhận kháng cáo của bị cáo đề nghị giảm hình phạt.

[8] Về giá trị chiếm đoạt tài sản, nhận thấy: Các bị cáo thuê xe với mục đích sử dụng làm phương tiện đi lại; tuy nhiên, với hành vi làm giả giấy tờ xe và mang xe đi cầm lấy số tiền 710 triệu đồng, các bị cáo đã vi phạm thỏa thuận thuê xe và định đoạt trái pháp luật đối với 2 xe ô tô; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị chiếm đoạt tương đương giá trị định giá 2 xe ô tô 870.000.000đ là đúng pháp luật. Quan điểm của Luật sư cho rằng giá trị chiếm đoạt là số tiền cầm cố là không có cơ sở.

[9] Đối với hành vi làm giả giấy tờ, mặc dù không thu thập được bản chính giấy tờ xe giả của xe ô tô 75A - 031.XX nhưng lời khai của các bị cáo thừa nhận có hành vi làm giả giấy tờ xe, phù hợp với lời khai của bà Hà Thị Q người nhận cầm cố xe; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo điểm b, khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ. Quan điểm của Luật sư đề nghị xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là không đúng.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc Duy T1 và bị cáo Hoàng Công T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Công T và Lê Ngọc Duy T1 phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Hoàng Công T 11 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 02 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 13 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 14/9/2016.

Áp dụng khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Lê Ngọc Duy T1 12 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 02 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 12/9/2016.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí:

Các bị cáo Hoàng Công T và Lê Ngọc Duy T1, mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- CQ CSTHAHS - CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Tự